TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày: 06-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

2. Ông Đoàn Văn Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1986 tại Vĩnh Long; nơi cư trú: LTT, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Tuấn K và bà Nguyễn Xuân Đ; vợ, con: Không.

Tiền án: 04 lần.

Ngày 12/7/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2016/HS-ST.

Ngày 03/5/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2018/HS-ST.

Ngày 04/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2018/HS-ST. Tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2018/HS-ST ngày 03/5/2018 bị cáo phải chấp hành hình phạt 05 năm 06 tháng tù, chấp hành

xong hình phạt tù vào ngày 18/01/2023 theo giấy chứng nhận số 90/GCN của Trại Giam Hòa Thạnh.

Ngày 08/11/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2023/HS-ST. Bị cáo chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long từ ngày 19/12/2023.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 17/6/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 04 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2009/HS-ST.

Ngày 29/01/2018, bị Công an thành phố V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo được trích xuất dẫn giải đến phiên tòa.

- *Bị hại*: Mai Thị Đoan T, sinh năm 1990; nơi cư trú: LTT, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Lê Thị Mộng T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/12/2023, Nguyễn Hoàng N đi bộ từ nhà ra đầu đường LTT, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long để mua thuốc hút. Trên đường đi, N đi ngang căn nhà của Mai Thị Đoan T, N thấy cửa chính nhà đang mở, nhìn vào phòng khách trong nhà thì không thấy ai nên nảy sinh ý định vào nhà tìm tài sản để lấy trộm. N đi vào phòng khách nhìn thấy một máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy của bà T đang sạc pin để trên thành ghế sofa, N liền rút dây sạc ra và lấy máy tính bảng đi ra ngoài. N đi bộ ra đầu hẻm 46, đường LTT, Phường H, thành phố V đón xe ôm của một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể và yêu cầu chở đến cửa hàng điện thoại VP, địa chỉ: đường PH, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bán cho bà Lê Thị Mộng T được số tiền 1.200.000 đồng, bà T tháo sim ra trả lại cho N. Sau khi nhận đủ tiền, N đi xe ôm về nhà, trên đường về N đã vứt bỏ sim nhưng không nhớ vị trí nào.

Khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, bà T phát hiện bị mất tài sản nên đến Công an Phường H, thành phố V trình báo sự việc. Đến ngày 11/12/2023, Công an Phường H thành phố V nghi ngờ nên mời N đến làm việc thì N khai nhận toàn bộ hành vi lấy trộm.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng ý với quyết định truy tố. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra bị hại trình bày như sau: Về hình phạt, yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, do bị hại đã nhận lại tài sản xong nên không còn yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.200.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 67/HĐĐGTSTTTHS ngày 28/12/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố V. Kết luận: Máy tính bảng trị giá là 4.194.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKS-TPVL ngày 05/3/2024, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, khẳng định nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật giữ nguyên việc truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N mức án từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về án phí: Buộc bị cáo nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh qua các biên bản hoạt động điều tra, kết luận định giá, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai bị cáo trong suốt quá trình điều tra và cũng như tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xét có đủ cơ sở để kết luận. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/12/2023, bị cáo lén lút thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" của chị Mai Thị Đoan T, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trị giá 4.194.000 đồng.

Xét thấy, bị cáo có 04 tiền án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc …, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm.

[3] Tội phạm do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Tình hình trộm cắp tài sản trong thời gian qua đã làm cho người dân bất an, hoang mang, lo lắng trong việc quản lý tài sản của mình. Để phòng chống loại tội phạm này trong tình hình hiện nay đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm. Bản chất thích hưởng thụ, lười lao động, không tích cực tham gia sản xuất để tạo ra của cải cho bản thân mà đi trộm cắp tài sản để nhằm phục vụ cho cá nhân, lợi dụng sơ hở của người bị hại, dẫn đến bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã nhận thức được hành vi mà mình thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật. Mặc khác, bị cáo biết tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ, biết hành vi chiếm đoạt tài sản sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, điều này thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, với hành vi phạm tội này, bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm với một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt và nhân thân của bị cáo. Bị cáo là người có nhân thân rất xấu, lần phạm tội trước bị cáo phạm tội: *"Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009*.

Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

c) Tái phạm nguy hiểm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2018/HS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Lần phạm tội này bị cáo lại tiếp tục phạm tội với tình tiết định khung "Tái phạm nguy hiểm". Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và để cho bị cáo có thời gian mà cải tạo cho bị cáo thấy được sai trái để sửa chữa, trở thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời răn đe phòng ngừa chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Bị cáo đang chấp hành hình phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2023/HS-ST ngày 08/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long từ ngày 19/12/2023. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 09 (chín) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2023/HS-ST ngày 08/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

[7] Đối với Lê Thị Mộng T có mua của bị cáo 01 máy tính bảng giá 1.200.000 đồng và Cơ quan Điều tra đã thu hồi máy tính bảng trên trả lại cho bị hại. Bà T không biết tài sản do phạm tội mà có, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xử lý hình sự đối với bà T.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị Mộng T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.200.000 đồng và tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý. Xét thấy, yêu cầu của bà T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[9] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 19/01/2024 (BL 94) và bị hại không còn yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Về hình phạt bổ sung: Đây là loại tội phạm ngoài hình phạt chính còn có thể áp dụng hình phạt tiền bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và có hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 56; Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 05 (năm) năm tù.

Tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số 106/2023/HS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng N phải chấp hành chung hình phạt là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 19/12/2023 (theo biên bản tiếp nhận người bị kết án phạt tù vào chấp hành án do Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long lập ngày 19/12/2023).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng N có trách nhiệm bồi thường cho bà Lê Thị Mộng T số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Nhà tạm giữ CATP V;
- Tòa án cấp trên trực tiếp;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND Phường H, TP V;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hồng Quan